UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 8124/BC-SYT

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO
Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc

Căn cứ Công văn số 6931/SNV-DTTG ngày 17/9/2026 của Sở Nội vụ về việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu thực hiện xây dựng báo cáo tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc, Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện trong lĩnh vực y tế như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình:

Trong quá trình triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc *(Sau đây gọi tắt là Nghị quyết 24 và Kết luận 65)*, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), luôn được Cấp ủy và Ban Giám đốc Sở Y tế quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Ngành Y tế xác định bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng, thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho đồng bào DTTS là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện chính sách dân tộc, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Trong quá trình thực hiện, ngành Y tế đã từng bước củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế tại địa bàn cơ sở; chú trọng các khu vực có đông đồng bào DTTS, nhóm dân cư còn khó khăn và các đối tượng chính sách, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu phù hợp với điều kiện thực tế.

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, ngành Y tế tiếp tục kiện toàn mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh; tăng cường vai trò của y tế cơ sở, nhất là các trạm y tế cấp xã trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân, phòng chống dịch bệnh và triển khai các chương trình y tế.

2. Những yếu tố tác động đến công tác chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS:

Bên cạnh những thuận lợi, công tác chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS chịu tác động của nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế của hộ gia đình, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, khoảng cách địa lý, nhận thức về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe, điều kiện vệ sinh môi trường, nước sạch, dinh dưỡng, tập quán sinh hoạt và khả năng tiếp cận thông tin y tế.

Do đó, việc thực hiện chính sách y tế đối với đồng bào DTTS cần được triển khai đồng bộ, gắn giữa phòng bệnh với chữa bệnh, giữa y tế cơ sở với y tế chuyên sâu, giữa chính sách BHYT với các chương trình chăm sóc sức khỏe và giảm nghèo, đảm bảo tính bền vững và phù hợp với đặc điểm từng địa bàn.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện:

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW, Sở Y tế đã quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc gắn với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Các nhiệm vụ liên quan đến chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS được lồng ghép trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và các chương trình, đề án của ngành Y tế; tập trung vào các lĩnh vực: y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, khám bệnh, chữa bệnh, BHYT, truyền thông giáo dục sức khỏe và củng cố y tế cơ sở.

Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại cơ sở; chú trọng tuyên truyền, vận động người dân chủ động phòng bệnh, khám bệnh khi có dấu hiệu bất thường, thực hiện tiêm chủng, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình y tế được thực hiện thường xuyên, qua đó kịp thời phát hiện những khó khăn, hạn chế để có giải pháp khắc phục.

2. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa:

Sở Y tế chủ động tham mưu, phối hợp tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, trong đó chú trọng bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở vùng khó khăn, đồng bào DTTS và các nhóm đối tượng chính sách.

Các chính sách về BHYT, khám bệnh, chữa bệnh, y tế cơ sở, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng và các chương trình y tế được tổ chức triển khai thống nhất trên địa bàn.

Trong năm 2026, tỉnh tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHYT đến năm 2030 và tăng tỷ lệ KCB BHYT tại trạm y tế cấp xã, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật:

Ngành Y tế thường xuyên phối hợp với các địa phương, báo, đài triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe và chính sách y tế đến người dân, trong đó quan tâm các địa bàn có đồng bào DTTS.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào phòng, chống các bệnh truyền nhiễm; tiêm chủng; vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm; dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; sức khỏe sinh sản; phòng, chống suy dinh dưỡng; thực hiện BHYT; khám bệnh, chữa bệnh và sử dụng các dịch vụ y tế phù hợp.

Phương thức truyền thông từng bước được đổi mới, kết hợp giữa truyền thông trực tiếp tại cộng đồng với truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở, các phương tiện truyền thông và nền tảng số, góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và chủ động phòng bệnh của người dân.

2. Kết quả chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh và thực hiện chính sách BHYT:

2.1. Củng cố mạng lưới y tế cơ sở:

Ngành Y tế từng bước củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và thực hiện các chương trình y tế tại cộng đồng.

Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, toàn tỉnh có 102 trạm y tế xã, phường với 203 điểm y tế; ngành Y tế tiếp tục phối hợp, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của mạng lưới y tế cơ sở.

Việc củng cố y tế cơ sở có ý nghĩa quan trọng đối với đồng bào DTTS và người dân ở địa bàn còn khó khăn, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu ngay tại địa phương, hạn chế chi phí và thời gian đi lại.

2.2. Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế:

Sở Y tế phối hợp với cơ quan BHXH và các địa phương triển khai chính sách BHYT, tạo điều kiện để người dân, nhất là các nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận dịch vụ KCB.

Năm 2026, tỉnh đặt mục tiêu tỷ lệ bao phủ BHYT đạt từ 96% dân số trở lên và tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển người tham gia BHYT đến năm 2030.

Ngành Y tế tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ KCB BHYT tại trạm y tế cấp xã; nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố niềm tin của người dân đối với y tế cơ sở và góp phần bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT.

2.3. Khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

Chất lượng KCB từng bước được nâng lên; mạng lưới KCB từ tuyến cơ sở đến tuyến chuyên sâu được duy trì, củng cố và phát triển.

Ngành Y tế đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật mới, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nhân lực và tăng cường năng lực chuyên môn cho tuyến dưới, góp phần giảm số trường hợp phải chuyển tuyến và tạo điều kiện để người dân được chăm sóc sức khỏe ngay tại địa phương.

Công tác khám sức khỏe định kỳ, khám dự phòng và khám sàng lọc được đẩy mạnh. Đến năm 2026, toàn tỉnh đã tổ chức khám sức khỏe, khám dự phòng, khám sàng lọc cho số lượng lớn người dân, góp phần phát hiện sớm bệnh tật và nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe.

3. Công tác phòng, chống dịch bệnh:

Công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm được xác định là nhiệm vụ thường xuyên và được triển khai chủ động từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

Ngành Y tế duy trì hệ thống giám sát, phát hiện sớm, xử lý ổ dịch; tổ chức tiêm chủng; tuyên truyền phòng bệnh; bảo đảm vật tư, hóa chất và các điều kiện cần thiết cho công tác phòng chống dịch.

Đối với địa bàn có đồng bào DTTS, việc truyền thông phòng bệnh được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, chú trọng nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường, nước sạch, vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng và các biện pháp phòng bệnh.

4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và dinh dưỡng:

Ngành Y tế triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; chăm sóc trước sinh, trong sinh và sau sinh; theo dõi sức khỏe trẻ em; phòng chống suy dinh dưỡng; tiêm chủng và các biện pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ bệnh tật, tử vong ở bà mẹ và trẻ em.

Đối với phụ nữ DTTS, trẻ em DTTS và các nhóm có nguy cơ cao, ngành Y tế phối hợp địa phương tăng cường truyền thông, vận động khám thai định kỳ, sinh tại cơ sở y tế khi có điều kiện, chăm sóc trẻ sơ sinh, nuôi con bằng sữa mẹ và thực hành dinh dưỡng hợp lý.

5. Phát triển nguồn nhân lực y tế:

Ngành Y tế chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế; ưu tiên củng cố nhân lực tuyến cơ sở và các chuyên ngành còn thiếu.

Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực thực hiện các chương trình y tế, quản lý bệnh tật, chăm sóc sức khỏe ban đầu và truyền thông giáo dục sức khỏe.

Việc bố trí, sử dụng nhân lực từng bước được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế sau sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm duy trì hoạt động chuyên môn và khả năng cung ứng dịch vụ y tế cho người dân.

6. Chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế:

Ngành Y tế đẩy mạnh chuyển đổi số, liên thông dữ liệu y tế, sử dụng căn cước công dân gắn chíp trong KCB BHYT, kê đơn thuốc điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử.

Việc ứng dụng công nghệ số góp phần rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục, nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe và tạo điều kiện để người dân, trong đó có đồng bào DTTS, tiếp cận thông tin và dịch vụ y tế thuận lợi hơn.

Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa các khu vực và nhóm dân cư.

7. Một số kết quả nổi bật đến năm 2026:

– Một số chỉ tiêu y tế của tỉnh đến năm 2026 đạt kết quả tích cực:

– Tỷ lệ bác sĩ đạt khoảng 9,25 bác sĩ/10.000 dân, đạt khoảng 100,5% kế hoạch.

– Số giường bệnh đạt khoảng 30 giường/10.000 dân, đạt khoảng 104,9% kế hoạch.

– Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt khoảng 95,40% tại thời điểm 30/6/2026, tỉnh tiếp tục phấn đấu đạt từ 96% trở lên trong năm 2026.

– Công tác khám sức khỏe định kỳ, khám dự phòng và khám sàng lọc được đẩy mạnh; đến thời điểm báo cáo đã triển khai cho trên 2,7 triệu lượt người, đạt trên 80% chỉ tiêu dân số được giao.

– 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê đơn thuốc điện tử, sử dụng căn cước gắn chíp trong KCB BHYT và thực hiện các nội dung liên thông theo quy định.

– 416/420 cơ sở y tế đã thực hiện liên thông dữ liệu; hồ sơ sức khỏe điện tử tiếp tục được chuẩn hóa và cập nhật.

– Các cơ sở KCB từng bước triển khai bệnh án điện tử, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và cung cấp dịch vụ y tế.

– Những kết quả trên tạo nền tảng để tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, nhất là tại tuyến cơ sở và đối với các nhóm dân cư còn khó khăn.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung:

Qua triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Mạng lưới y tế từng bước được củng cố; khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân được cải thiện; chính sách BHYT được quan tâm thực hiện; công tác phòng chống dịch, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe ban đầu được duy trì.

Ngành Y tế từng bước chuyển từ phương thức chủ yếu tập trung điều trị sang kết hợp giữa phòng bệnh, quản lý sức khỏe và điều trị; tăng cường vai trò của y tế cơ sở và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, chăm sóc sức khỏe.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS còn một số hạn chế:

– Khả năng tiếp cận một số dịch vụ y tế chất lượng cao giữa các khu vực chưa đồng đều.

– Nhân lực y tế, nhất là nhân lực có chuyên môn sâu và nhân lực tại tuyến cơ sở, còn thiếu so với yêu cầu.

– Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại một số cơ sở chưa đồng bộ.

– Một bộ phận người dân còn hạn chế về kiến thức phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe và thực hành dinh dưỡng.

– Công tác truyền thông, vận động thay đổi hành vi ở một số địa bàn còn gặp khó khăn.

– Việc thu thập, tổng hợp số liệu chuyên biệt về tình hình sức khỏe của đồng bào DTTS chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc đánh giá riêng nhóm đối tượng này theo từng giai đoạn.

3. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Địa bàn dân cư phân tán, điều kiện kinh tế - xã hội giữa các khu vực còn khác nhau.

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao trong khi nguồn lực đầu tư cho y tế còn có giới hạn.

- Tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và các yếu tố nguy cơ sức khỏe ngày càng phức tạp.

- Một số chính sách, cơ chế tài chính và quy định chuyên ngành còn cần tiếp tục hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Năng lực cung ứng dịch vụ tại một số cơ sở y tế chưa đồng đều.

– Công tác phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp trong một số nội dung chưa thật sự đồng bộ.

– Việc theo dõi riêng các chỉ tiêu sức khỏe đối với đồng bào DTTS chưa được chuẩn hóa đầy đủ ở tất cả các chương trình y tế.

4. Bài học kinh nghiệm:

– Thứ nhất, phải xác định chăm sóc sức khỏe đồng bào DTTS là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, gắn với thực hiện chính sách dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

– Thứ hai, phải lấy y tế cơ sở làm nền tảng, tăng cường năng lực của trạm y tế cấp xã, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu ngay tại nơi cư trú.

– Thứ ba, các chính sách y tế phải được triển khai đồng bộ, kết hợp giữa phòng bệnh, khám chữa bệnh, BHYT, dinh dưỡng, chăm sóc bà mẹ - trẻ em và truyền thông thay đổi hành vi.

– Thứ tư, cần tăng cường phối hợp liên ngành và phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe.

– Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu y tế để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân, đồng thời có số liệu đầy đủ phục vụ xây dựng và đánh giá chính sách đối với đồng bào DTTS.

V. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu:

Tiếp tục nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đồng bào DTTS; bảo đảm người dân được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ y tế cơ bản, chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế; giảm chênh lệch về chỉ số sức khỏe giữa các nhóm dân cư và giữa các khu vực.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực cho tuyến y tế cơ sở; nâng cao năng lực phòng bệnh, quản lý sức khỏe, khám chữa bệnh ban đầu và quản lý bệnh không lây nhiễm.

- Tiếp tục phối hợp triển khai các giải pháp phát triển người tham gia BHYT, nhất là các nhóm đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn; nâng cao chất lượng KCB BHYT tại tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe.

- Tăng cường quản lý thai, chăm sóc bà mẹ và trẻ em; phòng chống suy dinh dưỡng; nâng cao chất lượng tư vấn và truyền thông về dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản và chăm sóc trẻ em.

- Tham mưu, triển khai thực hiện giải pháp thu hút, đào tạo và giữ chân nhân lực y tế, nhất là bác sĩ, nhân lực có chuyên môn sâu và nhân lực làm việc tại tuyến cơ sở.

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, liên thông dữ liệu; khai thác dữ liệu phục vụ quản lý sức khỏe người dân và hoạch định chính sách.

- Đổi mới phương thức truyền thông, lựa chọn nội dung phù hợp với đặc điểm văn hóa, trình độ nhận thức và điều kiện thực tế của từng cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của y tế cơ sở và người có uy tín trong cộng đồng.

- Từng bước chuẩn hóa việc thu thập, phân tích số liệu về tình hình sức khỏe của đồng bào DTTS, nhất là các chỉ tiêu về BHYT, suy dinh dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, khám chữa bệnh và tiếp cận dịch vụ y tế.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW trong lĩnh vực y tế của Sở Y tế, Sở Y tế chuyển báo cáo đến Sở Nội vụ tổng hợp chung./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy SYT;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các phòng thuộc SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Lưu: VT, TCCB (T).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Văn Dương